

Số: 1078/QĐ-BKHĐT

Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Đề cương và Danh mục Báo cáo chuyên đề tổng kết 10 năm thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị quyết số 134/NQ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 70-KL/TW ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể;

Căn cứ Quyết định số 76/QĐ-BCĐĐMPTKTTTHTX ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Trường Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã về việc ban hành Kế hoạch tổng kết 10 năm thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát triển Hợp tác xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề cương và Danh mục Báo cáo chuyên đề tổng kết 10 năm thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng (để b/c);
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Liên minh Hợp tác xã Việt Nam;
- Cục: PTHTX, ĐKKD; VP Bộ;
- Lưu: VT, PTHTX(16).



Nguyễn Chí Dũng

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn



ĐỀ CƯƠNG
TỔNG KẾT 10 NĂM THI HÀNH LUẬT HỢP TÁC XÃ NĂM 2012

(Kèm theo Quyết định số 1078/QĐ-BKHĐT ngày 06/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Sự cần thiết của việc tổng kết 10 năm thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012

Luật Hợp tác xã năm 2012 được Quốc hội thông qua ngày 20/11/2012, chính thức có hiệu lực từ 01/7/2013 trên cơ sở tiếp thu kinh nghiệm quốc tế và yêu cầu thực tiễn phát triển hợp tác xã ở nước ta, quy định rõ bản chất của tổ chức hợp tác xã (HTX) là “hợp tác”, hỗ trợ thành viên, góp phần hoàn thiện quan hệ sản xuất, phù hợp với cơ chế thị trường trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và cạnh tranh ngày càng gay gắt.

Đến nay, sau gần 10 năm triển khai thực hiện, Luật HTX năm 2012 đã có tác động tích cực phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã (KTTT, HTX) trên nhiều mặt. Nhận thức trong hệ thống chính trị, các tầng lớp nhân dân về phát triển KTTT, HTX đã được nâng lên. Khu vực KTTT, HTX trong những năm gần đây có bước phát triển cả về số lượng và chất lượng, cơ bản khắc phục được tình trạng yếu kém kéo dài.

Đề nghị các bộ, ngành, địa phương nêu rõ về bối cảnh và tình hình tổ chức triển khai thực hiện Luật Hợp tác xã năm 2012 của bộ, ngành, địa phương mình trong giai đoạn từ năm 2012 đến nay. Nêu khái quát sự cần thiết phải tổng kết thực tiễn, đánh giá lại tình hình thực hiện 10 năm thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012 (những kết quả đạt được và những khó khăn vướng mắc, chưa làm được), làm cơ sở để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách và quy định pháp luật cho phù hợp với tình hình phát triển của KTTT, HTX trong thời kỳ mới.

2. Căn cứ tiến hành tổng kết

- Luật HTX năm 2012;
- Kết luận số 70-KL/TW ngày 09/3/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT (giao Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo “Tổng kết 20 năm Nghị quyết và 10 năm thi hành Luật HTX”).
- Nghị quyết số 134/NQ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 70-KL/TW ngày 09/3/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-9990 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT (giao Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển KTTT, HTX chủ trì Tổng kết 10 năm thi hành Luật HTX 2012 và giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì xây dựng Luật mới hoặc sửa đổi bổ sung, hoàn thiện Luật HTX năm 2012).

- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật HTX năm 2012.

- Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật HTX năm 2012.

- Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 24/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh triển khai thi hành Luật HTX.

- Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác triển khai thi hành Luật HTX năm 2012.

- Quyết định số 76/QĐ-BCĐĐMPTKTTTHTX ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Trường Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã về việc ban hành Kế hoạch tổng kết 10 năm thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012.

Để thống nhất cách thức tổng kết 10 năm thực hiện Luật HTX năm 2012, Ban Chỉ đạo đổi mới, phát triển KTTT, HTX hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương những nội dung cơ bản cần đánh giá như sau:

Phần I

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TỔ CHỨC THI HÀNH LUẬT HỢP TÁC XÃ NĂM 2012

I. CÔNG TÁC TỔ CHỨC THI HÀNH LUẬT HTX

1. Công tác xây dựng, ban hành, tuyên truyền, phổ biến các văn bản hướng dẫn thi hành Luật HTX

Các Bộ, ngành, địa phương căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về KTTT, HTX báo cáo tình hình chỉ đạo, xây dựng, ban hành các chương trình, kế hoạch triển khai, văn bản hướng dẫn thực hiện Luật HTX năm 2012, bao gồm: những nội dung đã triển khai, nội dung chưa triển khai, lý do chưa triển khai và phương hướng xử lý trong thời gian tới.

Công tác triển khai tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về KTTT, HTX được bố trí kinh phí, hình thức, tần suất và đạt hiệu quả như thế nào.

Riêng với các địa phương cần bổ sung đánh giá việc xây dựng, ban hành các văn bản thực hiện Nghị quyết của tỉnh ủy, thành ủy về phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong lĩnh vực KTTT, HTX.

(Tổng hợp số liệu theo mẫu Phụ lục I đính kèm)

2. Công tác tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về KTTT, HTX

- Công tác thành lập và kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về KTTT, HTX: Việc thành lập bộ máy quản lý, bố trí cán bộ và thực hiện phân công quản lý nhà nước về KTTT ở các cấp: Trung ương, tỉnh, huyện (theo Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BKHĐT-BNV ngày 11/12/2015 giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh).

- Công tác thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo Đổi mới phát triển KTTT, HTX tại địa phương theo đúng tinh thần Nghị quyết số 134/NQ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ: *“kiện toàn cơ quan Thường trực của Ban chỉ đạo đổi mới, phát triển KTTT, HTX từ Trung ương đến địa phương, theo hướng: Ở Trung ương là Bộ Kế hoạch và Đầu tư; ở địa phương là Sở Kế hoạch và Đầu tư để thống nhất, đồng bộ, xuyên suốt trong công tác chỉ đạo, phối hợp, điều hành.”*

- Tình hình phối hợp giữa các cơ quan có liên quan (trong đó có Liên minh HTX) trong quản lý nhà nước về KTTT, HTX ở các cấp.

3. Công tác tổ chức thực hiện quản lý nhà nước về KTTT, HTX

- Vai trò, trách nhiệm của các Sở, ngành trong phối hợp triển khai thực hiện Luật HTX năm 2012; những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong công tác quản lý.

- Công tác xây dựng chiến lược, kế hoạch, chương trình hỗ trợ phát triển KTTT, HTX.

- Công tác tổ chức và hướng dẫn đăng ký HTX, liên hiệp hợp tác xã (LHHTX); tình hình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập HTX, LHHTX trên địa bàn;

- Công tác ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý nhà nước, xây dựng và khai thác cơ sở dữ liệu về KTTT, HTX của bộ, ngành, địa phương, giải quyết các thủ tục hành chính và báo cáo cho các HTX *(so sánh với mức độ ứng dụng CNTT trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp và các lĩnh vực khác)*.

- Triển khai thủ tục chuyển đổi các HTX, LHHTX chưa chuyển đổi, và giải thể các HTX, LHHTX ngừng hoạt động theo Luật HTX năm 2012 trên địa bàn. Nêu rõ thuận lợi, khó khăn trong thực hiện thủ tục giải thể tự nguyện và bắt buộc HTX, LHHTX.

(Tổng hợp số liệu theo mẫu Phụ lục II đính kèm)

- Việc xử lý các hành vi vi phạm pháp luật của HTX, LHHTX và các cá nhân, tổ chức có liên quan theo quy định của pháp luật trên địa bàn. Cụ thể: Xây dựng điều lệ không theo quy định của Luật HTX; hoạt động chưa đúng quy định điều lệ; vi phạm quy định về vốn góp, về phân phối thu nhập, về sử dụng đất, về xây dựng các quỹ, tài sản thuộc sở hữu tập thể (trong đó có tài sản không chia

theo quy định của Luật HTX 2012), về nợ đọng thuế, phí với Nhà nước; giải quyết các mâu thuẫn phát sinh trong HTX qua đơn thư, khiếu nại, tố cáo của thành viên, tập thể thành viên HTX, LHHTX...), xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định số 50/2016/NĐ-CP ngày 01/6/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư.

- Công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với KTTT, HTX (*tần suất, số lần và kết quả thực hiện*); thực hiện tổng kết, đánh giá định kỳ và rút kinh nghiệm về quản lý nhà nước đối với KTTT, HTX của bộ, ngành, địa phương.

- Việc thực hiện chế độ báo cáo của các HTX, LHHTX, các cơ quan có liên quan theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 và Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 03/2014/TT-BKHĐT; Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/2/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về đánh giá phân loại HTX và các quy định hiện hành.

4. Tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước

4.1 Tình hình đăng ký, phân bổ vốn đầu tư công, vốn sự nghiệp, các chương trình mục tiêu quốc gia, vốn ngân sách nhà nước khác của bộ, ngành, địa phương cho khu vực KTTT, HTX từ năm 2013 đến năm 2021.

4.2 Tổng hợp kết quả thực hiện các nội dung của Điều 6 Luật HTX năm 2012, Nghị định số 193/2013/NĐ-CP, Nghị định số 107/2017/NĐ-CP của Chính phủ; Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2015-2020, Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình hỗ trợ phát triển KTTT, HTX giai đoạn 2021 - 2025 và bổ sung thêm các chính sách bảo hiểm, hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của HTX với doanh nghiệp ..., cụ thể như sau:

- Chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực;
- Chính sách xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường;
- Chính sách ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới;
- Chính sách tiếp cận vốn và quỹ hỗ trợ phát triển HTX;
- Chính sách tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội;
- Chính sách thành lập mới HTX, LHHTX;
- Chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng;
- Chính sách giao đất, cho thuê đất;
- Chính sách ưu đãi về tín dụng;
- Chính sách hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh;
- Chính sách hỗ trợ chế biến sản phẩm;

- Chính sách hỗ trợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động và thành viên trong HTX;

- Chính sách ưu đãi về thuế, phí và lệ phí...;

- Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của HTX với doanh nghiệp;

- Chính sách hỗ trợ HTX nông nghiệp mua bảo hiểm nông nghiệp qua HTX.

(Tổng hợp số liệu theo mẫu Phụ lục III đính kèm)

Nêu chi tiết số HTX được hỗ trợ, số tiền hỗ trợ, cho vay, bảo lãnh; diện tích đất được giao...; chất lượng và hiệu quả của các chính sách trong thực tiễn; tình hình bố trí các nguồn lực tài chính thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển HTX; những thuận lợi, khó khăn, nguyên nhân và đề xuất kiến nghị.

4.3 Tình hình triển khai Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 21/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2016-2020”; tình hình triển khai Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình HTX kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021-2025”.

4.4 Tình hình hỗ trợ các tổ hợp tác trong giai đoạn 2013-2021.

5. Tình hình hợp tác quốc tế

Báo cáo tình hình hợp tác quốc tế của bộ, ngành, cơ quan, địa phương; các hoạt động của các tổ chức quốc tế trong việc phát triển KTTT, HTX như: hợp tác chia sẻ kinh nghiệm quốc tế, viện trợ đầu tư phát triển; hoàn thiện khung khổ lý và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước; hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; tuyên truyền và nâng cao nhận thức về HTX; hỗ trợ tư vấn nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho HTX, xây dựng mô hình HTX... trên địa bàn.

II. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KTTT, HTX TỪ KHI LUẬT HTX NĂM 2012 CÓ HIỆU LỰC THI HÀNH

- Các bộ, ngành đánh giá tình hình phát triển KTTT, HTX trong phạm vi ngành, lĩnh vực phụ trách.

- Liên minh HTX Việt Nam và các địa phương đánh giá KTTT, HTX theo từng lĩnh vực, cụ thể theo 8 nhóm như sau:

- (1) KTTT, HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp.
- (2) KTTT, HTX hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.
- (3) KTTT, HTX hoạt động trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ.
- (4) KTTT, HTX hoạt động trong lĩnh vực xây dựng (xây dựng, nhà ở...).
- (5) KTTT, HTX hoạt động trong lĩnh vực vận tải.
- (6) KTTT, HTX hoạt động trong lĩnh vực tín dụng.

Tình hình phát triển của Quỹ tín dụng nhân dân trong thời gian qua về quy mô, chất lượng hoạt động, xếp hạng (theo Thông tư số 42/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về quy định xếp hạng quỹ tín dụng nhân dân).

(7) KTTT, HTX hoạt động trong lĩnh vực môi trường.

(8) KTTT, HTX hoạt động trong lĩnh vực khác (y tế, cung cấp nước sạch, quản lý chợ, điện...).

1. Tình hình phát triển HTX, LHHTX (gọi chung là HTX)

1.1. Số lượng và thành viên của HTX trong giai đoạn 2013-2021:

- Đánh giá sự phát triển về số lượng HTX dự kiến đến thời điểm 31/12/2021. Trong đó có số lượng HTX thành lập mới, số lượng HTX đang hoạt động, ngưng hoạt động, số lượng HTX đã chuyển đổi, giải thể; tình hình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập HTX,...nói chung và theo từng lĩnh vực hoạt động của HTX.

- Đánh giá sự phát triển về thành viên, người lao động trong HTX: Mức độ tăng/giảm về số lượng thành viên và người lao động trong HTX theo từng lĩnh vực và theo từng năm. Đánh giá vai trò, hiệu quả của các thành viên là pháp nhân tham gia vào HTX so với thành viên cá nhân, hộ gia đình. Đánh giá tỷ lệ thành viên không chính thức (chỉ tham gia liên kết sản xuất kinh doanh, góp vốn đầu tư) so với thành viên chính thức của HTX. Thành viên không chính thức, cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân có khó khăn gì trong việc gia nhập HTX hoặc HTX có khó khăn gì trong việc phát triển số lượng thành viên.

- Đánh giá mức độ tuân thủ quyền và nghĩa vụ của thành viên HTX: Tỷ lệ thành viên sử dụng sản phẩm, dịch vụ do HTX cung cấp theo quy định; tỷ lệ thành viên thường xuyên tham gia các hoạt động của HTX (thể hiện qua tham gia Đại hội thành viên và các hoạt động do HTX tổ chức).

- Đánh giá sự phát triển về vốn điều lệ của HTX: Tổng vốn điều lệ của HTX; bình quân vốn điều lệ/HTX; bình quân vốn góp của thành viên; số thành viên góp vốn; số thành viên chưa góp vốn theo quy định.

- Báo cáo những mô hình, hình thức tổ chức KTTT, HTX mới xuất hiện trên địa bàn (nếu có) về số lượng, quy mô, lĩnh vực hoạt động như: HTX có thành lập công ty, mô hình tổ chức liên kết các HTX cùng lĩnh vực hoạt động (như: Liên đoàn HTX,...), tổ chức đại diện do các HTX tự thành lập,...

1.2. Tổ chức, quản lý HTX:

- Đánh giá các mô hình tổ chức quản lý HTX trong giai đoạn 2013-2021: Số lượng HTX áp dụng mô hình quản lý tách bạch Hội đồng quản trị HTX với Ban Giám đốc HTX; số lượng HTX áp dụng mô hình Hội đồng quản trị HTX kiêm Ban Giám đốc của HTX (Chủ tịch HĐQT kiêm giám đốc HTX); hiệu quả quản lý, điều hành của các mô hình này trong thực tiễn (mặt được, hạn chế và nguyên nhân).

- Đánh giá về việc tuân thủ điều lệ HTX, tổ chức đại hội thành viên HTX theo quy định.

- Đánh giá sự phát triển về số lượng và chất lượng cán bộ quản lý HTX trong giai đoạn 2013-2021 (theo các trình độ sơ, trung cấp, cao đẳng, đại học trở lên), theo độ tuổi lao động.

- Đánh giá việc thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, báo cáo tài chính, phương án sản xuất kinh doanh hằng năm của HTX. Số lượng HTX thực hiện chế độ kiểm toán nội bộ hoặc độc lập, kết quả đạt được và khó khăn khi thực hiện.

1.3. Hiệu quả hoạt động của HTX:

- Đánh giá sự phát triển về vốn và tài sản của HTX trong giai đoạn 2013-2021, trong đó chú ý đánh giá sự phát triển về vốn chủ sở hữu, về tài sản không chia của HTX. Đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản không chia vào hoạt động sản xuất kinh doanh, văn hóa, xã hội của HTX.

- Đánh giá sự phát triển các loại hình dịch vụ, các hoạt động sản xuất, kinh doanh của HTX trong giai đoạn 2013-2021 (cung ứng đầu vào, hỗ trợ kỹ thuật, tổ chức sản xuất, cung ứng và tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ tín dụng nội bộ và huy động vốn nội bộ ... cho thành viên HTX, cho đối tượng khách hàng không phải là thành viên HTX).

- Đánh giá sự phát triển về doanh thu của HTX và lợi nhuận của HTX giai đoạn 2013-2021, trong đó phân tích rõ: Doanh thu, lợi nhuận từ việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho thành viên; doanh thu, lợi nhuận từ việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho đối tượng không phải là thành viên HTX.

- Đánh giá việc thực hiện phân phối thu nhập: Tình hình trích lập quỹ theo luật (quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính) và các quỹ khác của HTX, phân phối thu nhập còn lại cho thành viên theo mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ, theo vốn góp.

- Đánh giá sự phát triển về tạo việc làm trong giai đoạn 2013-2021: Tạo việc làm cho thành viên HTX, cho lao động không phải là thành viên HTX (thường xuyên, thời vụ); số lao động ở HTX được hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội.

- Đánh giá sự phát triển về thu nhập của thành viên, người lao động của HTX, trong giai đoạn 2013-2021.

- Đóng góp của khu vực HTX vào ngân sách nhà nước (NSNN) trong giai đoạn 2013-2021: nộp thuế, phí vào NSNN.

- Đánh giá mức độ HTX quan tâm tới giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, tuyên truyền, cung cấp thông tin cho thành viên, người lao động trong HTX và cả người trẻ tuổi, đối tượng tiềm năng của HTX.

- Đánh giá mức độ đóng góp của HTX đối với cộng đồng, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo, an sinh xã hội, an ninh trật tự, bảo vệ môi trường trên địa bàn HTX hoạt động.

- Xếp loại hoạt động hiệu quả của HTX theo Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/02/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn phân loại và đánh giá HTX.

(Tổng hợp số liệu theo mẫu Phụ lục IV, Phụ lục V, Phụ lục VI đính kèm)

2. Tình hình phát triển của tổ hợp tác từ năm 2013 đến 2021

Đánh giá sự phát triển về số lượng, quy mô và hiệu quả hoạt động, kết quả, thuận lợi, khó khăn của các tổ hợp tác trước và sau thời điểm Nghị định 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019 của Chính phủ về Tổ hợp tác ban hành.

Cơ quan quản lý nhà nước nêu khó khăn, vướng mắc trong quản lý, theo dõi tổ hợp tác trên địa bàn. Có hạn chế gì khi không quy định tổ hợp tác trong Luật Hợp tác xã năm 2012 như hiện nay không.

(Tổng hợp số liệu theo mẫu Phụ lục IV đính kèm)

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC, TỒN TẠI HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN, BÀI HỌC KINH NGHIỆM VÀ GIẢI PHÁP

1. Kết quả đạt được

Trên cơ sở tình hình thực tế ở các mặt đã nêu trên, các bộ, ngành, địa phương đánh giá khái quát kết quả đã đạt được (so sánh hiệu quả so với Luật HTX năm 2003 trước đây) ở các nội dung chính như sau:

- 1.1 Trong xây dựng, ban hành và phổ biến các văn bản hướng dẫn thi hành Luật HTX năm 2012.
- 1.2 Trong tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về KTTT, HTX.
- 1.3 Trong tổ chức thực hiện quản lý nhà nước về KTTT, HTX.
- 1.4 Trong thực hiện chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước.
- 1.5 Trong hợp tác quốc tế.
- 1.6 Tình hình HTX chấp hành các quy định của pháp luật và sự phát triển của phong trào HTX.
- 1.7 Những kết quả đạt được khác.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Đối với cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan có liên quan

Trình bày thực trạng và phân tích nguyên nhân (khách quan, chủ quan) của các tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc của các bộ, ngành, địa phương trong quá trình triển khai thi hành Luật, cụ thể ở các nội dung chính như sau:

2.1.1 Trong xây dựng, ban hành và phổ biến các văn bản hướng dẫn thi hành Luật HTX năm 2012. Đánh giá những vấn đề chồng chéo, mâu thuẫn và không thống nhất giữa Luật HTX năm 2012 với các Luật chuyên ngành có liên quan. Nhận thức của người dân, của thành viên HTX và của xã hội đối với KTTT, HTX.

2.1.2 Trong tổ chức bộ máy quản lý nhà nước đối với lĩnh vực KTTT, HTX: Cơ cấu tổ chức, nhân sự và sự phối hợp giữa các cơ quan QLNN với nhau và với Liên minh HTX.

2.1.3 Trong tổ chức thực hiện quản lý nhà nước về KTTT, HTX: Đăng ký, chuyển đổi, giải thể, báo cáo, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm HTX theo Nghị định số 50/2016/NĐ-CP ngày 01/6/2016 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư; khai thác hệ thống thông tin, đăng ký kinh doanh, cơ sở dữ liệu về KTTT, HTX của bộ, ngành, địa phương.

2.1.4 Trong thực hiện chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước: Nêu các chính sách khi triển khai thực hiện đạt kết quả, chất lượng, hiệu quả chưa cao.

2.1.5 Trong phát triển hợp tác quốc tế.

2.1.6 Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân khác.

2.2. Đối với HTX, thành viên HTX

Các địa phương, cơ quan quản lý trực tiếp HTX trình bày những khó khăn, vướng mắc của HTX, thành viên HTX trong quá trình hoạt động, thực hiện theo các quy định pháp luật trên địa bàn, phân tích nguyên nhân của các vấn đề này:

2.2.1. Về vi phạm các nguyên tắc cơ bản của HTX (Điều 7, Luật HTX năm 2012): Nội dung nào thường xuyên vi phạm, chưa được nhận thức đầy đủ.

2.2.2. Về thực hiện quyền, nghĩa vụ cho các thành viên HTX: HTX có đáp ứng 100% nhu cầu sản phẩm dịch vụ của thành viên; thành viên có bị hạn chế quyền tham gia, biểu quyết các hoạt động của HTX; việc đào tạo bồi dưỡng, cung cấp thông tin cho thành viên; tiền lương, bảo hiểm, phúc lợi cho người lao động, việc tuân thủ hợp đồng sản phẩm dịch vụ giữa thành viên và HTX...

2.2.3 Về khó khăn trong huy động vốn sản xuất kinh doanh của HTX từ thành viên và bên ngoài thành viên, thực hiện tín dụng nội bộ.

2.2.4. Về khó khăn trong hợp tác liên kết chuỗi giá trị, hợp tác sản xuất kinh doanh với doanh nghiệp và các tổ chức bên ngoài, tìm kiếm mở rộng thị trường.

2.2.5. Về chấp hành các quy định báo cáo, kiểm tra, thủ tục và nghĩa vụ nộp thuế, lệ phí,... với các cơ quan nhà nước.

2.2.6. Về khó khăn trong tiếp cận, thụ hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước.

2.2.7. Các tồn tại, hạn chế khác của HTX.

Lưu ý: Đối với mỗi nội dung của Luật, nếu có tồn tại, vướng mắc cần nêu rõ cụ thể vướng mắc ở Điều, Khoản, điểm, nội dung nào. Giải thích lý do và đề xuất phương án xử lý ở Phần II.

3. Bài học kinh nghiệm

Những bài học kinh nghiệm rút ra từ cơ quan quản lý nhà nước ở các cấp, của HTX và xã hội sau 10 năm triển khai thi hành Luật.

Những bài học kinh nghiệm thực tế rút ra từ chính các HTX trong quá trình hoạt động theo quy định của pháp luật, đặc biệt là từ các mô hình HTX hoạt động hiệu quả.

4. Giải pháp

- Đề xuất các giải pháp phát huy những kết quả đạt được và khắc phục những tồn tại, hạn chế đã nêu trên.

- Đề xuất hoàn thiện nội dung và phương thức thực hiện từng chính sách cần duy trì, nâng cao hiệu quả trong thời gian tới.

- Giải pháp trong xây dựng Luật mới, sự gắn kết các Luật chuyên ngành, công tác triển khai, sự quản lý, phối hợp và vai trò trong tổ chức thực hiện giữa các cấp, các ngành, tổ chức đoàn thể,...

Phần II

KIẾN NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ HỢP TÁC XÃ

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LUẬT HỢP TÁC XÃ NĂM 2012

1. Sự cần thiết sửa đổi bổ sung Luật HTX

Trình bày lý do, nguyên nhân cấp thiết phải sửa đổi bổ sung một số điều của Luật hoặc xây dựng Luật mới, quy định nào của Luật còn chưa thống nhất, chồng chéo, trở thành rào cản cho sự phát triển của HTX, quy định nào của Luật còn hạn chế, bất cập, không còn phù hợp với bối cảnh tình hình mới,...

2. Quan điểm, định hướng và chính sách sửa đổi, bổ sung Luật HTX

Trình bày quan điểm, định hướng các nhóm quy định, chính sách cần sửa đổi, bổ sung Luật HTX. Đồng thời giải thích, chứng minh bằng lý luận khoa học và kinh nghiệm thực tiễn thông qua tài liệu, văn bản quy phạm pháp luật, báo cáo nghiên cứu cụ thể và các mô hình HTX thực tế ở trong nước và quốc tế.

3. Đánh giá tác động của chính sách, quy định đề xuất

Đánh giá tác động tích cực, tiêu cực của các chính sách dự kiến sửa đổi, bổ sung trong Luật Hợp tác xã (sửa đổi) trên các mặt: Kinh tế, xã hội, giới, thủ tục hành chính, hệ thống pháp luật đối với Nhà nước, HTX và các cá nhân, tổ chức có liên quan, chịu sự tác động.

II. KIẾN NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LUẬT HỢP TÁC XÃ NĂM 2012

Rà soát cụ thể các quy định của Luật HTX năm 2012, chỉ ra quy định nào còn bất cập, chưa rõ, không phù hợp cần đề xuất sửa đổi, bổ sung, xóa bỏ, cụ thể tại từng Chương, Điều, Khoản, Mục.

1. Về tên Luật: Cho ý kiến về việc đổi tên thành Luật Kinh tế hợp tác hoặc đề xuất một tên gọi khác phù hợp, đáp ứng các yêu cầu về lý luận và thực tiễn phát triển các loại hình kinh tế hợp tác ở nước ta, phù hợp với xu hướng phát triển của quốc tế.

2. Về đối tượng và phạm vi điều chỉnh (Điều 1, Điều 2): Nghiên cứu, cho ý kiến về việc bổ sung, mở rộng một số loại hình kinh tế hợp tác khác như tổ hợp tác, liên đoàn HTX,... vào quy định trong Luật Hợp tác xã.

3. Về các khái niệm (Điều 3, Điều 4): Phân biệt, làm rõ khái niệm về kinh tế hợp tác và kinh tế tập thể, các khái niệm về tổ hợp tác, HTX, liên hiệp HTX, liên đoàn HTX, Liên minh HTX, sản phẩm dịch vụ của HTX...

4. Về phân loại HTX: Nghiên cứu định hướng phân loại và các tiêu chí phân loại HTX nhất là đối với các HTX hoạt động đa ngành, đa lĩnh vực, đa địa bàn; HTX tạo việc làm.

5. Về chính sách hỗ trợ (Điều 6): Nghiên cứu quy định một chương về chính sách, hỗ trợ và ưu đãi của Nhà nước đối với lĩnh vực KTTT, HTX để nâng cao hiệu quả, chất lượng, phù hợp với đặc thù của các từng đối tượng, loại hình, lĩnh vực hoạt động của tổ chức kinh tế hợp tác:

- Trong các chính sách hiện có: những chính sách nào cần tiếp tục duy trì, những chính sách nào không còn cần thiết, những chính sách nào cần sửa đổi, bổ sung, những chính sách nào là đặc thù dành riêng cho lĩnh vực kinh tế hợp tác?...

- Đề xuất cụ thể nội dung chính sách, đối tượng áp dụng và sự cần thiết của chính sách. Lưu ý bổ sung các chính sách hỗ trợ, phát triển tổ hợp tác lên HTX.

6. Về quyền và nghĩa vụ (Điều 8, Điều 9): Các đề xuất cần bảo đảm sự bình đẳng trong hoạt động của tổ chức kinh tế hợp tác với các tổ chức kinh tế khác.

7. Về thành viên (Điều 13, Điều 14, Điều 15): Phân loại thành viên HTX (về điều kiện tham gia; quyền, nghĩa vụ, của thành viên trong tổ chức), bảo đảm không làm mất đi tính dân chủ, bình đẳng giữa các thành viên (mỗi thành viên có một phiếu biểu quyết nhằm khuyến khích và thu hút mọi người tham gia (nhất là các thành viên liên kết, người trẻ tuổi, đối tượng tiềm năng), tăng cường tính hợp tác, phát huy được tinh thần làm chủ của thành viên và sức mạnh tập thể của tổ chức.

8. Về góp vốn, huy động vốn (Điều 17, Điều 44): Đề xuất các phương án về tỷ lệ vốn góp, hình thức góp vốn (bằng vốn góp hay cổ phần), hình thức huy động vốn từ thành viên và từ xã hội gắn với quyền và nghĩa vụ của người tham gia góp vốn; góp phần giải quyết vấn đề vốn sản xuất cho HTX nhưng không làm mất đi tính dân chủ của thành viên trong HTX.

9. Về thành lập và đăng ký (từ Điều 19 đến Điều 28): Đề xuất phương án xử lý những vấn đề còn tồn tại, khó khăn trong việc thành lập, đăng ký HTX đang quy định trong Luật, các giải pháp nâng cao hiệu quả bằng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý nhà nước.

10. Về tổ chức, quản lý HTX (từ Điều 29 đến Điều 41): Đề xuất những vấn đề về cơ cấu tổ chức, đại hội thành viên, về điều kiện bổ nhiệm, miễn nhiệm cũng như quyền hạn và nghĩa vụ của các chức danh quản lý trong HTX bảo đảm

quyền làm chủ và chịu trách nhiệm của thành viên thông qua bộ máy tổ chức, quản lý HTX.

11. Về quản lý tài chính, tài sản (từ Điều 42 đến Điều 51): Đề xuất về các loại quỹ trong HTX, tỷ lệ thu nhập trích quỹ; phương án phân phối thu nhập cho thành viên. Quy định về các loại tài sản trong HTX, về tài sản không chia (nguồn hình thành, tỷ lệ trích lập,...).

12. Về kiểm toán HTX: Cho ý kiến quy định cụ thể một chương về kiểm toán HTX nhằm tạo sự minh bạch và phản ánh sức khỏe của HTX cho các thành viên HTX và các đối tác của HTX, giúp HĐQT và ban giám đốc quản lý điều hành hiệu quả, tạo điều kiện để HTX huy động vốn từ các tổ chức tín dụng bên ngoài và là cơ sở để Nhà nước hỗ trợ cho HTX.

13. Về chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản HTX (từ Điều 52 đến Điều 54): Đề xuất phương án xử lý các vấn đề còn vướng mắc trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản HTX; xử lý tài sản (bao gồm tài sản không chia), vốn, nợ của HTX khi chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản.

14. Về tổ chức đại diện của HTX (Điều 57, Điều 58): Vai trò, vị trí, chức năng của Liên minh HTX và các tổ chức đại diện cho HTX (Liên đoàn HTX).

15. Về quản lý nhà nước (Điều 59, Điều 60): Đề xuất về nội dung quản lý nhà nước và trách nhiệm của các cơ quan quản lý, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số nhằm tăng cường tính hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước.

16. Về đăng ký lại, chuyển đổi HTX: Đăng ký, chuyển đổi HTX sang loại hình tổ chức khác.

17. Kiến nghị về việc sửa các quy định khác trong Luật: Nêu cụ thể về tên Điều, khoản, điểm... và các nội dung cần chỉnh sửa.

(Tổng hợp số liệu theo mẫu Phụ lục VII đính kèm)

III. KIẾN NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT KHÁC CÓ LIÊN QUAN

- Rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các Luật chuyên ngành, còn chưa thống nhất, chồng chéo gây khó khăn, vướng mắc khi triển khai thi hành hoặc có sự bất bình đẳng giữa doanh nghiệp và HTX.

- Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật dưới luật quy định trực tiếp đến đối tượng HTX, HTX nông nghiệp như (Nghị định số 193/2013/NĐ-CP, Nghị định số 107/2017/NĐ-CP, Nghị định số 55/2015/NĐ-CP, Nghị định số 45/2021/NĐ-CP, Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT, Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT, Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT, Thông tư số 83/2015/TT-BTC, Thông tư số 24/2017/TT-BTC, Thông tư số 31/2018/TT-BTC...).

1. Về đầu tư góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp trong tổ chức kinh tế hợp tác (KTHT).

2. Về liên kết với doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

3. Về cá nhân, pháp nhân cư trú ở nước ngoài tham gia vào tổ chức KTHT.

4. Về huy động vốn từ các nhà đầu tư bên ngoài, tín dụng nội bộ trong tổ chức KTHT.

5. Về miễn thuế giao dịch giữa thành viên với tổ chức KTHT và các ưu đãi thuế khác.

6. Về quy định kế toán, kiểm toán trong tổ chức KTHT để nâng cao tính minh bạch tài chính, thu hút đầu tư.

7. Về tỷ lệ cung ứng, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ, việc làm giữa thành viên và tổ chức KTHT.

8. Về hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về KTHT; tăng cường thanh tra, kiểm tra, tránh thất thoát lãng phí tài sản nhà nước.

9. Về Quỹ Hỗ trợ phát triển HTX.

11. Về chính sách khuyến khích tổ hợp tác phát triển lên thành HTX.

12. Về các tiêu chí quan trọng cần sử dụng để đánh giá về chất lượng và hiệu quả hoạt động, phát triển của tổ chức KTHT (số lượng thành viên, doanh thu, ...).

13. Về tổ chức Đảng và các hội, đoàn thể trong tổ chức KTHT.

14. Các vấn đề khác phát sinh trong thực tiễn, chưa được Luật HTX điều chỉnh...

IV. KIẾN NGHỊ VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC THI HÀNH LUẬT HTX

Kiến nghị cụ thể đối với từng bộ, ban, ngành, cơ quan Trung ương, địa phương có liên quan nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thi hành Luật HTX và đẩy mạnh phát triển KTTT, HTX trong thời gian tới./.



Phụ lục I

THÔNG KÊ CÁC VĂN BẢN VỀ KINH TẾ TẬP THỂ, HỢP TÁC XÃ

(Kèm theo Quyết định số 1078 /QĐ-BKHĐT ngày 06/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

(Áp dụng cho các địa phương)

STT	Danh mục các văn bản	Năm ban hành	Số lượng văn bản ban hành từ năm 2013-2021				
			Văn bản của Ban chỉ đạo PT KTTT, HTX cấp tỉnh	Văn bản của Tỉnh/Thành ủy	Văn bản của HĐND tỉnh	Văn bản của UBND tỉnh	Đoàn thể
1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng số						
1							
2							
3						

Ghi chú: đánh dấu x vào các ô từ 4 đến 8

(Áp dụng cho các bộ, ngành, cơ quan Trung ương)

STT	Tên văn bản, số ký hiệu	Năm ban hành (từ 2013-2021)
I	Các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương trực tiếp triển khai thi hành Luật HTX năm 2012 (quy định riêng cho đối tượng HTX)	
1		
2		
	...	
II	Các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương liên quan đến tổ chức và hoạt động hợp tác xã (quy định cho nhiều đối tượng, trong đó có HTX)	
1		
2		
	...	



Phụ lục II
TÌNH HÌNH CHUYỂN ĐỔI VÀ GIẢI THỂ HỢP TÁC XÃ

(Kèm theo Quyết định số 1078/QĐ-BKHĐT ngày 06/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

STT	Loại hình/lĩnh vực	ĐVT	Đang hoạt động				Không hoạt động					
			Tổng số HTX đang hoạt động	Đã chuyển đổi theo Luật HTX 2012	Chưa đăng ký lại, chưa chuyển đổi theo Luật HTX 2012	Đã chuyển sang loại hình tổ chức khác	Tổng số HTX không hoạt động	Tạm ngừng hoạt động (dưới 12 tháng liên tục hoặc có đơn xin tạm ngừng hoạt động)	Ngừng hoạt động, chờ giải thể (liên lạc được với HTX)	Ngừng hoạt động (mất liên lạc với HTX, vẫn tồn tại trên sổ sách)	Đang làm thủ tục giải thể, phá sản không vướng mắc	Đang làm thủ tục giải thể nhưng gặp khó khăn vướng mắc hoặc tranh chấp
			a=b+c+d	b	c	d	đ=e+g+h+i+k	e	g	h	i	k
I	Tổng số HTX, trong đó:	HTX										
1	Lĩnh vực nông nghiệp	HTX										
2	Lĩnh vực CN-TTCN	HTX										
3	Lĩnh vực xây dựng	HTX										
4	Lĩnh vực tín dụng	HTX										
5	Lĩnh vực thương mại	HTX										
6	Lĩnh vực vận tải	HTX										
7	Lĩnh vực môi trường	HTX										
8	Lĩnh vực nhà ở	HTX										
9	Lĩnh vực khác	HTX										
II	Tổng số LHHTX, trong đó:	LHHTX										
1	Lĩnh vực nông nghiệp	LHHTX										
2	Lĩnh vực CN-TTCN	LHHTX										
3	Lĩnh vực xây dựng	LHHTX										
4	Lĩnh vực tín dụng	LHHTX										
5	Lĩnh vực thương mại	LHHTX										
6	Lĩnh vực vận tải	LHHTX										
7	Lĩnh vực môi trường	LHHTX										
8	Lĩnh vực nhà ở	LHHTX										
9	Lĩnh vực khác	LHHTX										

VIỆN PHÁP LUẬT



Phụ lục III

TỔNG HỢP CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

(Kèm theo Quyết định số 1078/QĐ-BKHDĐT ngày 06/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Stt	Nội dung chính sách	01/7/2013		Kết quả thực hiện													
				31/12/2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016							
		Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)	Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)	Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)	Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)	Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)	Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)				
														NSTW	NSĐP	NSTW	NSĐP
	TỔNG																
I	Chính sách hỗ trợ, ưu đãi chung HTX																
1	Đào tạo nguồn nhân lực																
2	Bồi dưỡng nguồn nhân lực																
3	Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường																
4	Ứng dụng KHKT, công nghệ mới																
5	Tiếp cận vốn và Quỹ hỗ trợ phát triển HTX																
6	Tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, phát triển KT-XH																
7	Thành lập mới																
8	Tổ chức lại hoạt động hợp tác xã																
9	Hỗ trợ Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN																
10	Ưu đãi về thuế, phí và lệ phí																
11	Hỗ trợ đặc thù khác của địa phương																
II	Chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với HTXNN																
1	Hỗ trợ đầu tư phát triển KCHT																
2	Hỗ trợ miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất																
3	Ưu đãi tín dụng																
4	Hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh																
5	Hỗ trợ về chế biến sản phẩm																
6	Hỗ trợ mua bảo hiểm nông nghiệp.																
7	Hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ																
8	Hỗ trợ khác																

VIỆN PHÁP LUẬT

STT	Nội dung chính sách	Kết quả thực hiện (tiếp)													
		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		31/12/2021					
		Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)		Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)		Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)		Số lượng	Kinh phí (Tr đồng)			
			NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		
	TỔNG														
I	Chính sách hỗ trợ, ưu đãi chung đối với HTX														
1	Đào tạo nguồn nhân lực														
2	Bồi dưỡng nguồn nhân lực														
3	Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường														
4	Ứng dụng KHKT, công nghệ mới														
5	Tiếp cận vốn và Quỹ hỗ trợ phát triển HTX														
6	Tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, phát triển KT-XH														
7	Thành lập mới														
8	Tổ chức lại hoạt động hợp tác xã														
9	Hỗ trợ Bảo hiểm xã hội														
10	Ưu đãi về thuế, phí và lệ phí														
11	Hỗ trợ đặc thù khác của địa phương														
II	Chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với HTX nông nghiệp														
1	Hỗ trợ đầu tư phát triển KCHT														
2	Hỗ trợ miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất														
3	Ưu đãi tín dụng														
4	Hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh														
5	Hỗ trợ về chế biến sản phẩm														
6	Hỗ trợ mua bảo hiểm nông nghiệp.														
7	Hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ														
8	Hỗ trợ khác														



Phụ lục IV
CHỈ TIÊU CƠ BẢN PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ

(Kèm theo Quyết định số 1078/QĐ-BKHĐT ngày 06/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

STT		ĐVT	1/7/2013	Thực hiện năm									
				31/12/2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	31/12/2021	
I	Hợp tác xã (HTX)												
1	Tổng số HTX	HTX											
	<i>Trong đó:</i>												
	Số HTX thành lập mới	HTX											
	Số HTX giải thể	HTX											
	Số HTX hoạt động hiệu quả	HTX											
2	Tổng số thành viên HTX	Thành viên											
	<i>Trong đó:</i>												
	Số thành viên mới	Thành viên											
	Số thành viên là cá nhân	Thành viên											
	Số thành viên là đại diện hộ gia đình	Thành viên											
	Số thành viên là pháp nhân	Thành viên											
3	Tổng số lao động thường xuyên trong HTX	Người											
	<i>Trong đó:</i>												
	Số lao động thường xuyên mới	Người											
	Số lao động là thành viên HTX	Người											
4	Tổng vốn hoạt động của HTX	Tr đồng											

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	1/7/2013	Thực hiện năm									
				31/12/2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	31/12/2021	
5	Tổng giá trị tài sản HTX	Tr đồng											
6	Doanh thu bình quân một HTX	Tr đồng/năm											
	<i>Trong đó:</i>												
	Doanh thu của HTX với thành viên	Tr đồng/năm											
7	Lãi bình quân một HTX	Tr đồng/năm											
8	Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong HTX	Tr đồng/năm											
9	Tổng số cán bộ quản lý HTX	Người											
	<i>Trong đó:</i>												
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp	Người											
	Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên	Người											
10	Số cán bộ HTX được đóng BHXH	Người											
II	Liên hiệp hợp tác xã (LHHTX)												
1	Tổng số liên hiệp HTX	LHHTX											
	<i>Trong đó:</i>												
	Số liên hiệp HTX thành lập mới	LHHTX											
	Số liên hiệp HTX giải thể	LHHTX											
	Số liên hiệp HTX hoạt động hiệu quả	LHHTX											
2	Tổng số HTX thành viên	HTX											
3	Tổng số lao động trong liên hiệp HTX	Người											

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	1/7/2013	Thực hiện năm								31/12/2021
				31/12/2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	
4	Tổng vốn hoạt động của HTX	Tr đồng										
5	Tổng giá trị tài sản HTX	Tr đồng										
6	Doanh thu bình quân một liên hiệp HTX	Tr đồng/năm										
7	Lãi bình quân một liên hiệp HTX	Tr đồng/năm										
III	Tổ hợp tác											
1	Số THT có đăng ký hoạt động với chính quyền xã/phường/thị trấn	THT										
2	Tổng số thành viên tổ hợp tác	Thành viên										
3	Doanh thu bình quân một tổ hợp tác	Tr đồng/năm										
4	Lãi bình quân một tổ hợp tác	Tr đồng/năm										

THƯ VIỆN TRÁP LUẬT



Phụ lục V
ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI HỢP TÁC XÃ NĂM 2020

(Kế hoạch Quyển 1) **Số 1078/QĐ-BKHĐT** ngày **06/8/2021** của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

STT	Lĩnh vực hoạt động của HTX, LHHTX	Tổng số (HTX, LHHTX)	Sản phẩm, dịch vụ cung ứng cho thành viên				Quy mô thành viên				Tổng nguồn vốn				Đánh giá phân loại HTX			
			Sản xuất	Tiêu dùng	Lao động	Hỗn hợp	Siêu nhỏ (<50 TV)	Nhỏ (50-300 TV)	Vừa (300-1000 TV)	Lớn (>1000 TV)	Siêu nhỏ (< 1 tỷ đồng)	Nhỏ (1-5 tỷ đồng)	Vừa (5-50 tỷ đồng)	Lớn (>50 tỷ đồng)	Tốt (>80đ)	Khá (65-80đ)	Trung bình (50-65đ)	Yếu (<50đ)
	Tổng số (HTX/LHHTX)																	
1	Lĩnh vực nông nghiệp																	
2	Lĩnh vực CN-TTCN																	
3	Lĩnh vực xây dựng																	
4	Lĩnh vực thương mại																	
5	Lĩnh vực vận tải																	
6	Lĩnh vực môi trường																	
7	Lĩnh vực nhà ở																	
8	Lĩnh vực khác																	

(Theo thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT ngày 01/4/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn phân loại và đánh giá hợp tác xã)

Riêng đánh giá, phân loại quỹ tín dụng nhân dân, đề nghị gửi báo cáo năm 2020 theo Thông tư số 42/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT



Phụ lục VI
SỐ LƯỢNG LIÊN HIỆP HTX PHÂN LOẠI THEO NGÀNH NGHỀ
(Kèm theo Quyết định số 1078/QĐ-BKHĐT ngày 06/8/2021 của Bộ trưởng
Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	1/7/2013	Thực hiện năm									
				31/12/2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	31/12/2021	
I	HỢP TÁC XÃ												
	Tổng số HTX	HTX											
	Chia ra:												
1	HTX nông nghiệp	HTX											
2	HTX công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	HTX											
3	HTX xây dựng	HTX											
4	HTX tín dụng	HTX											
5	HTX thương mại	HTX											
6	HTX vận tải	HTX											
7	HTX môi trường	HTX											
8	HTX nhà ở	HTX											
9	HTX khác	HTX											
II	LIÊN HIỆP HTX (LHHTX)												
	Tổng số LHHTX	LHHTX											
	Chia ra:												
1	LHHTX nông nghiệp	LHHTX											
2	LHHTX công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	LHHTX											
3	LHHTX xây dựng	LHHTX											
4	LHHTX tín dụng	LHHTX											
5	LHHTX thương mại	LHHTX											
6	LHHTX vận tải	LHHTX											
7	LHHTX môi trường	LHHTX											
8	LHHTX nhà ở	LHHTX											
9	LHHTX khác	LHHTX											

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuvienPhapLuat.vn



Phụ lục VII

PHÁP LỆNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LUẬT HỢP TÁC XÃ NĂM 2012
(Kèm theo Quyết định số 1078/QĐ-BKHĐT ngày 06/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT

Luật Hợp tác xã năm 2012	Tồn tại hạn chế, nguyên nhân	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
Tên: Luật Hợp tác xã (HTX)			
CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG			
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh			
Điều 2. Đối tượng áp dụng			
Điều 3. HTX, liên hiệp HTX			
Điều 4. Giải thích từ ngữ			
Điều 5. Bảo đảm của Nhà nước đối với HTX, liên hiệp HTX			
Điều 6. Chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước			
Điều 7. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động			
Điều 8. Quyền của HTX, liên hiệp HTX			
Điều 9. Nghĩa vụ của HTX, liên hiệp HTX			
Điều 11. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong HTX, liên hiệp HTX			
Điều 12. Các hành vi bị nghiêm cấm			
CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN, HTX THÀNH VIÊN			
Điều 13. Điều kiện trở thành thành viên, HTX thành viên			
Điều 14. Quyền của thành viên, HTX thành viên			
Điều 15. Nghĩa vụ của thành viên, HTX thành viên			
Điều 16. Chấm dứt tư cách thành viên, HTX thành viên			
Điều 17. Góp vốn điều lệ và giấy chứng nhận vốn góp			
Điều 18. Trả lại, thừa kế vốn góp			
CHƯƠNG III. THÀNH LẬP VÀ ĐĂNG KÝ HTX, LIÊN HIỆP HTX			
Điều 19. Sáng lập viên			
Điều 20. Hội nghị thành lập HTX, liên hiệp HTX			

Điều 21. Nội dung điều lệ HTX, liên hiệp HTX		
Điều 22. Tên, biểu tượng của HTX, liên hiệp HTX		
Điều 23. Đăng ký HTX, liên hiệp HTX		
Điều 24. Điều kiện cấp giấy chứng nhận đăng ký HTX, liên hiệp HTX		
Điều 25. Số đăng ký thành viên, HTX thành viên		
Điều 26. Trụ sở chính của HTX, liên hiệp HTX		
Điều 27. Văn phòng đại diện, chi nhánh và địa điểm kinh doanh		
Điều 28. Thay đổi nội dung đăng ký của HTX, liên hiệp HTX		
CHƯƠNG IV. TỔ CHỨC QUẢN LÝ HTX, LIÊN HIỆP HTX		
Điều 29. Cơ cấu tổ chức		
Điều 30. Đại hội thành viên		
Điều 31. Triệu tập đại hội thành viên		
Điều 32. Quyền hạn và nhiệm vụ của đại hội thành viên		
Điều 33. Chuẩn bị đại hội thành viên		
Điều 34. Biểu quyết trong đại hội thành viên		
Điều 35. Hội đồng quản trị HTX, liên hiệp HTX		
Điều 36. Quyền hạn và nhiệm vụ của hội đồng quản trị		
Điều 37. Quyền hạn và nhiệm vụ của chủ tịch hội đồng quản trị		
Điều 38. Giám đốc (tổng giám đốc) HTX, liên hiệp HTX		
Điều 39. Ban kiểm soát, kiểm soát viên		
Điều 40. Điều kiện trở thành thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên, giám đốc (tổng giám đốc) HTX, liên hiệp HTX		
Điều 41. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức, chấm dứt hợp đồng các chức danh quản lý HTX, liên hiệp HTX		
CHƯƠNG V. TÀI SẢN, TÀI CHÍNH CỦA HTX, LIÊN HIỆP HTX		
Điều 42. Xác định giá trị vốn góp		
Điều 43. Tăng, giảm vốn điều lệ hợp tác xã, liên hiệp HTX		
Điều 44. Huy động vốn và các khoản trợ cấp, hỗ trợ		
Điều 45. Vốn hoạt động của HTX, liên hiệp HTX		
Điều 46. Phân phối thu nhập		

Điều 47. Quản lý, sử dụng các quỹ của HTX, liên hiệp HTX			
Điều 48. Tài sản của HTX, liên hiệp HTX			
Điều 49. Xử lý tài sản và vốn của HTX, liên hiệp HTX khi giải thể			
Điều 50. Xử lý các khoản lỗ, khoản nợ của HTX, liên hiệp HTX			
Điều 51. Trình tự trả lại vốn góp			
CHƯƠNG VI. CHIA, TÁCH, HỢP NHẤT, SÁP NHẬP, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN HTX, LIÊN HIỆP HTX			
Điều 52. Chia, tách HTX, liên hiệp HTX			
Điều 53. Hợp nhất, sáp nhập HTX, liên hiệp HTX			
Điều 54. Giải thể HTX, liên hiệp HTX			
Điều 55. Giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản đối với HTX, liên hiệp HTX			
Điều 56. Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký HTX, liên hiệp HTX			
CHƯƠNG VII. TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN CỦA HTX, LIÊN HIỆP HTX			
Điều 57. Tổ chức đại diện của HTX, liên hiệp HTX			
Điều 58. Tổ chức liên minh HTX Việt Nam, tổ chức liên minh HTX tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương			
CHƯƠNG VIII. QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HTX, LIÊN HIỆP HTX			
Điều 59. Nội dung quản lý nhà nước			
Điều 60. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước			
Điều 61. Thanh tra, kiểm tra, kiểm toán			
CHƯƠNG IX. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH			
Điều 62. Điều khoản chuyển tiếp			
Điều 63. Hiệu lực thi hành			
Điều 64. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành			
Các ý kiến khác, đề xuất khác			



DANH MỤC BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ
(Kèm theo Quyết định số 1078/QĐ-BKHĐT ngày 06/8/2021 của
trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

1. Phục vụ tổng kết 10 năm thi hành Luật Hợp tác xã năm 2012:

- Chuyên đề 1: Chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đối với hợp tác xã. Đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất, kiến nghị (giao Cục Phát triển Hợp tác xã, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì).

- Chuyên đề 2: Phát triển các dịch vụ tài chính và các dịch vụ hỗ trợ, phát triển kinh doanh của các hợp tác xã trong các chuỗi liên kết thị trường (giao Cục Phát triển Hợp tác xã, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì).

- Chuyên đề 3: Chính sách đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng cho hợp tác xã nông nghiệp. Đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất, kiến nghị (giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì).

- Chuyên đề 4: Chính sách hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh; hỗ trợ chế biến sản phẩm; hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đối với hợp tác xã nông nghiệp. Đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất, kiến nghị (giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì).

- Chuyên đề 5: Tình hình hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã. Đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất, kiến nghị (giao Bộ Tài Chính chủ trì).

- Chuyên đề 6: Chính sách thuế, xóa nợ khê đọng đối với hợp tác xã, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dịch vụ hợp tác xã cung ứng cho thành viên. Đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất, kiến nghị (giao Bộ Tài chính chủ trì).

- Chuyên đề 7: Chính sách bảo hiểm xã hội đối với người lao động và cán bộ quản lý trong hợp tác xã. Đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất, kiến nghị (giao Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì).

- Chuyên đề 8: Chính sách xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường đối với hợp tác xã. Đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất, kiến nghị (giao Bộ Công Thương chủ trì).

- Chuyên đề 9: Cơ chế, chính sách tín dụng ngân hàng hỗ trợ phát triển hợp tác xã. Đánh giá kết quả đạt được và đề xuất, kiến nghị (giao Ngân hàng nhà nước Việt Nam chủ trì).

- Chuyên đề 10: Chính sách về giao đất và thuê đất đối với hợp tác xã nông nghiệp. Đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất, kiến nghị (giao Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì).

- Chuyên đề 11: Chính sách ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới cho hợp tác xã. Xu hướng phát triển, ứng dụng chuyển đổi số để nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, hợp tác xã trong thời kỳ cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đánh giá và đề xuất giải pháp (giao Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì).

- Chuyên đề 12: Báo cáo rà soát văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến kinh tế tập thể, hợp tác xã theo quy định và cam kết trong điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (*giao Bộ Tư pháp chủ trì*).

2. Phục vụ nghiên cứu xây dựng, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện Luật Hợp tác xã:

- Chuyên đề 13: Kinh nghiệm quốc tế về xây dựng luật và các chính sách cho khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã hiện nay trên thế giới (*giao Cục Phát triển Hợp tác xã, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì*).

- Chuyên đề 14: Thực trạng và giải pháp hoàn thiện thủ tục triển khai giải thể hợp tác xã và chuyển đổi hợp tác xã sang loại hình tổ chức khác (*giao Cục Phát triển Hợp tác xã, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì*).

- Chuyên đề 15: Nghiên cứu hoàn thiện khung khổ pháp lý đăng ký hợp tác xã; ứng dụng công nghệ thông tin trong đăng ký, đánh giá, phân loại chế độ báo cáo (*giao Cục Quản lý đăng ký kinh doanh (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) chủ trì*).

- Chuyên đề 16: Hoàn thiện khung khổ pháp lý, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý và chính sách hỗ trợ, ưu đãi của Nhà nước cho lĩnh vực kinh tế tập thể, hợp tác xã (*giao Cục Phát triển Hợp tác xã, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì*).

- Chuyên đề 17: Kinh nghiệm quốc tế về kiểm toán hợp tác xã. Thực trạng và giải pháp hoàn thiện khung khổ pháp lý về kiểm soát nội bộ và kiểm toán hợp tác xã nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và minh bạch tài chính trong hợp tác xã (*giao Liên minh Hợp tác xã Việt Nam chủ trì*).

- Chuyên đề 18: Nghiên cứu hoàn thiện quy định về mức độ giao dịch giữa thành viên và hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp (*giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì*).

- Chuyên đề 19: Nghiên cứu giải pháp hoàn thiện khung khổ pháp lý để hỗ trợ, thúc đẩy tổ hợp tác phát triển lên mô hình hợp tác xã (*giao Liên minh Hợp tác xã Việt Nam chủ trì*).

- Chuyên đề 20: Nghiên cứu về thành viên liên kết, thành viên góp vốn, thành viên quản lý của hợp tác xã. Giải pháp cân bằng trong phân phối thu nhập và quyền lợi đối với các thành viên này trong hợp tác xã (*giao Liên minh Hợp tác xã Việt Nam chủ trì*).

- Chuyên đề 21: Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về các loại hình kinh tế tập thể của hợp tác xã và hoàn thiện khung khổ pháp lý về các loại hình kinh tế tập thể ở nước ta phù hợp với sự phát triển và hội nhập với quốc tế (*giao Liên minh Hợp tác xã Việt nam chủ trì*).

- Chuyên đề 22: Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về tổ chức đại diện của hợp tác xã và hoàn thiện khung khổ pháp lý về tổ chức đại diện hợp tác xã ở nước ta (*giao Liên minh Hợp tác xã Việt nam chủ trì*).

- Chuyên đề 23: Nghiên cứu hoàn thiện quy định về mức độ giao dịch giữa thành viên và hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực giao thông (*giao Bộ Giao thông vận tải chủ trì*).

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3990 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn